

CÔNG TY TNHH AIR LIQUIDE VIỆT NAM



**KẾ HOẠCH PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ
SỰ CỐ CHẤT THẢI**

**CÔNG TY TNHH AIR LIQUIDE VIỆT NAM - NHÀ
MÁY SẢN XUẤT VÀ NẠP KHÍ
CÔNG NGHIỆP**

ĐỊA CHỈ: Lô 3F-5, Đường số 9, Khu công nghiệp Long Hậu 3
(giai đoạn 1), Ấp Long Hậu 3, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh



MỤC LỤC

I. Mở đầu

- 1.1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.
- 1.2. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

II. Thông tin chung

- 2.1. Thông tin chung về địa hình, địa lý tại khu vực cơ sở hoạt động.
- 2.2. Thông tin chung về cơ sở.

III. Nhận diện, xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải; dự báo nguyên nhân gây ra sự cố chất thải; biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải

- 3.1. Xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải
- 3.2. Dự báo về sự cố chất thải
- 3.3. Biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải

IV. Tổ chức ứng phó sự cố chất thải.

- 4.1. Xác định phương tiện vận chuyển (vị trí xảy ra sự cố), hạng mục, công trình xảy ra sự cố chất thải; nguyên nhân xảy ra sự cố chất thải.
- 4.2. Thực hiện khẩn cấp các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, tài sản, sinh vật và môi trường.
- 4.3. Xác định loại, số lượng, khối lượng chất ô nhiễm bị phát tán, thải ra môi trường.
- 4.4. Đánh giá sơ bộ về phạm vi, đối tượng và mức độ tác động đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và sinh vật.
- 4.5. Thực hiện các biện pháp cô lập, giới hạn phạm vi, đối tượng và mức độ tác động.
- 4.6. Thu hồi, xử lý, loại bỏ chất ô nhiễm hoặc nguyên nhân gây ô nhiễm.
- 4.7. Thông báo, cung cấp thông tin về sự cố chất thải cho cộng đồng để phòng, tránh các tác động xấu từ sự cố chất thải.
- 4.8. Trường hợp vượt quá khả năng ứng phó, người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố môi trường báo cáo cấp trên trực tiếp.
- 4.9. Trường hợp phạm vi ô nhiễm, suy thoái môi trường của sự cố môi trường vượt ra ngoài phạm vi cơ sở, đơn vị hành chính thì người có thẩm quyền chỉ đạo ứng phó sự cố chất thải báo cáo cấp trên trực tiếp để chỉ đạo ứng phó sự cố.
- 4.10. Báo cáo và lưu giữ hồ sơ, tài liệu về sự cố chất thải theo quy định.

4.11. Các thông tin khác (nếu có).

V. Lực lượng, phương tiện ứng phó sự cố chất thải

5.1. Danh sách lực lượng tham gia ứng phó sự cố chất thải của dự án đầu tư, cơ sở và các đơn vị bên ngoài hỗ trợ ứng phó khi sự cố xảy ra.

5.2. Phương tiện ứng phó sự cố chất thải

5.3. Nhiệm vụ của các bộ phận

5.4. Tổ chức chỉ huy

5.5. Kế hoạch tập huấn và diễn tập định kỳ của dự án đầu tư, cơ sở về ứng phó sự cố chất thải.

VI. Kết luận và kiến nghị

6.1. Đánh giá về tính khả thi của kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đã được xây dựng.

6.2. Bài học từ sự cố chất thải đã xảy ra (nếu có) và cam kết của cơ sở trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn tiếp theo.

6.3. Kiến nghị của cơ sở (nếu có).

103
ĐNC
TN
LI
IÊT
SON

Công ty TNHH Air Liquide
Việt Nam

NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ NẠP KHÍ
CÔNG NGHIỆP LONG HẬU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 01/KH-LH-PNUPSCCT

Tây Ninh, ngày 30 tháng 03 năm 2026

KẾ HOẠCH

Phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải của Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam - NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ NẠP KHÍ CÔNG NGHIỆP

I. Mở đầu

1.1. Sự cần thiết phải lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

Việc xây dựng và ban hành Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải tại Nhà máy sản xuất và nạp khí công nghiệp là nhiệm vụ trọng tâm, mang tính chiến lược, xuất phát từ các căn cứ thực tiễn và pháp lý sau đây:

Thứ nhất, đảm bảo tính thượng tôn pháp luật và tuân thủ quy chuẩn quốc gia. Căn cứ theo Luật Bảo vệ môi trường và hướng dẫn kỹ thuật chi tiết tại Thông tư 41/2025/TT-BTNMT, việc lập kế hoạch là nghĩa vụ pháp lý bắt buộc đối với các cơ sở sản xuất có phát sinh chất thải. Việc thực thi nghiêm túc nội dung này không chỉ giúp Công ty hoàn thiện hồ sơ pháp lý về môi trường mà còn khẳng định cam kết của Air Liquide trong việc vận hành doanh nghiệp dựa trên nền tảng tuân thủ các quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam.

Thứ hai, chủ động nhận diện và kiểm soát rủi ro đặc thù của ngành khí công nghiệp. Hoạt động sản xuất và lưu trữ khí hóa lỏng đòi hỏi hệ thống máy móc vận hành với cường độ cao, đi kèm với việc sử dụng các loại dầu bôi trơn và hóa chất chuyên dụng. Việc lập kế hoạch giúp doanh nghiệp phân tích khoa học các nguy cơ tiềm ẩn từ nguồn phát sinh chất thải (như rò rỉ dầu máy, sự cố hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt hoặc sự cố tại kho chứa chất thải nguy hại). Từ đó, nhà máy có thể thiết lập các rào cản kỹ thuật và quy trình giám sát chặt chẽ, nhằm triệt tiêu các tác nhân gây ô nhiễm ngay từ giai đoạn sơ khởi.

Thứ ba, tối ưu hóa năng lực ứng phó và giảm thiểu thiệt hại về kinh tế - môi trường. Kế hoạch đóng vai trò là khung hướng dẫn tác nghiệp chuẩn hóa, giúp lực lượng ứng tại chỗ

của nhà máy xác định rõ quy trình huy động nguồn lực, phương tiện và nhân lực khi có tình huống khẩn cấp xảy ra. Sự chủ động này cho phép cô lập vùng ảnh hưởng, ngăn chặn sự phát tán của chất thải ra môi trường đất, nước và không khí xung quanh, từ đó bảo vệ hệ sinh thái địa phương và tiết giảm tối đa các chi phí phát sinh từ việc phục hồi môi trường hay bồi thường thiệt hại.

Cuối cùng, khẳng định trách nhiệm xã hội và uy tín thương hiệu toàn cầu. Đối với một tập đoàn đa quốc gia như Air Liquide, việc duy trì một môi trường làm việc an toàn và bền vững là giá trị cốt lõi. Kế hoạch phòng ngừa sự cố chất thải chính là sự cam kết bảo vệ sức khỏe cho cộng đồng dân cư khu vực lân cận, đồng thời là minh chứng rõ nét cho năng lực quản lý rủi ro chuyên nghiệp, góp phần củng cố vị thế và hình ảnh của Công ty đối với các đối tác, nhà đầu tư và cơ quan quản lý nhà nước.

1.2. Các căn cứ pháp lý lập kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải.

Việc lập Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải của Nhà máy Air Liquide Việt Nam được căn cứ trên các văn bản quy phạm pháp luật sau đây:

a. Văn bản Luật

Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Luật Tài nguyên nước số 28/2023/QH15 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (liên quan đến phòng ngừa ô nhiễm nguồn nước).

Luật Hóa chất số 69/2025/QH15 (và các văn bản sửa đổi, bổ sung liên quan đến quản lý hóa chất trong sản xuất khí công nghiệp).

b. Nghị định của Chính phủ

Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07 tháng 07 năm 2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường.

c. Thông tư và Hướng dẫn kỹ thuật

Thông tư số 41/2025/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn kỹ thuật về phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải và phục hồi môi trường sau sự cố môi trường (Văn bản trọng tâm điều chỉnh trực tiếp nội dung kế hoạch).

Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

d. Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia (QCVN)

QCVN 07:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ngưỡng chất thải nguy hại.

QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

QCVN 19:2009/BTNMT & QCVN 20:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp (đối với bụi và các chất vô cơ/hữu cơ).

QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

e. Các văn bản khác của Doanh nghiệp

Giấy phép môi trường số số 6602/GPMT-STNMT ngày 31/08/2023 của Nhà máy sản xuất và nạp khí công nghiệp, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Long An cấp.

Giấy chứng nhận ISO 14001 - Hệ thống quản lý môi trường: Số chứng nhận VN12/00109.04, hiệu lực của chứng nhận từ ngày 17/10/2024 đến ngày 17/10/2027, tổ chức đánh giá cấp chứng nhận SGS.

Quyết định thành lập Đội ứng phó sự cố khẩn cấp tại chỗ của Ban Giám đốc Công ty.

Các quy trình vận hành an toàn (SOP) và tiêu chuẩn an toàn nội bộ của Tập đoàn Air Liquide toàn cầu.

II. Thông tin chung

2.1. Thông tin chung về địa hình, địa lý tại khu vực cơ sở hoạt động.

a. Vị trí địa lý:

Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam - **NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ NẠP KHÍ CÔNG NGHIỆP**. Tọa lạc tại Địa chỉ: Lô 3F-5, Đường số 9, Khu công nghiệp Long Hậu 3 (giai đoạn 1), Ấp Long Hậu 3, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh

Diện tích sử dụng đất: Tổng diện tích khu đất là 11,250 m².

Tiếp giáp và Quy hoạch: Cơ sở nằm trong phân khu chức năng của Khu công nghiệp Long Hậu 3 (giai đoạn 1), Ấp Long Hậu 3, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh, được quy hoạch để tiếp nhận các dự án sản xuất sản phẩm công nghệ cao hoặc các sản phẩm phụ trợ thiết yếu. Vị trí này được đánh giá là phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia và phân vùng môi trường của tỉnh.

b. Đặc điểm địa hình và hạ tầng khu vực:

Hệ thống thoát nước: Khu vực có địa hình cho phép thiết lập hệ thống thoát nước tự chảy. Nước mưa được đầu nối vào mạng lưới thoát nước mưa của KCNC và nước thải sau xử lý sơ bộ được đầu nối vào mạng lưới thu gom nước thải của KCNC nằm trên đường số .

Hạ tầng giao thông và cảnh quan: Diện tích đất dành cho giao thông và sân bãi chiếm tỷ trọng lớn nhất với 6.836,79 m² (tương đương 60.7%).

Tỷ lệ đất cây xanh được duy trì ở mức 20,2% (2.267,41m²) nhằm điều hòa vi khí hậu và hạn chế tác động tiếng ồn đến xung quanh.

Mối liên hệ vùng: Vị trí

- Phía Bắc: Giáp với Lô đất 3F-1
- Phía Nam: Giáp với Lô đất 3F-4
- Phía Tây: Giáp với Lô đất 3F-3

c. Đánh giá khả năng chịu tải môi trường tại địa điểm:

Địa điểm hoạt động của cơ sở nằm trong khu vực có hạ tầng bảo vệ môi trường hoàn thiện.

Nguồn tiếp nhận nước thải:

Nước thải từ nhà vệ sinh (phát sinh khoảng 2,25 m³/ngày.đêm) được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt có công suất 3 m³/ngày để xử lý đạt giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Long Hậu 3 trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước thải của KCN Long Hậu 3.

Nước thải sản xuất phát sinh từ công đoạn thử áp suất (nước được bơm vào chai để kiểm tra độ rò rỉ, biến dạng của chai) với lưu lượng khoảng 47 m³/ngày được thu gom và dẫn bằng đường ống HDPE Ø90, Ø125, Ø200 về hố ga giám sát, sau đó cùng với nước thải sinh hoạt đầu nối trực tiếp vào hệ thống thu gom và thoát nước của KCN Long Hậu 3. Nước thải sau xử lý sẽ được dẫn ra hố ga đầu nối nước thải với KCN Long Hậu 3 bằng đường ống HDPE Ø200 thông qua 01 điểm đầu nối nằm trên đường số 9, với tọa độ X=1175645.727; Y=604881.679 (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực 105o45', múi chiếu 3o) bằng phương thức tự chảy.

Môi trường không khí: Do nằm trong khu công nghiệp tập trung, các hoạt động phát sinh khí thải và tiếng ồn được kiểm soát để không gây ảnh hưởng trực tiếp đến các khu dân cư tập trung.

2.2. Thông tin chung về cơ sở:

- Tên dự án đầu tư/cơ sở: Công ty TNHH Air Liquide Việt Nam - **NHÀ MÁY SẢN XUẤT VÀ NẠP KHÍ CÔNG NGHIỆP.**
- Địa điểm hoạt động: Tọa lạc tại Địa chỉ: Lô 3F-5, Đường số 9, Khu công nghiệp Long Hậu 3 (giai đoạn 1), Ấp Long Hậu 3, Xã Cần Giuộc, Tỉnh Tây Ninh
- Địa điểm trụ sở chính: Khu Công nghiệp Quế Võ, Phường Nam Sơn, tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.
- Điện thoại: 0914 133889
- Người liên lạc: Ông. Nguyen Hoang Lam

Y
M
BẮC

- Giấy phép môi trường số số 6602 /GPMT-STNMT cấp ngày 31/08/2023 của Nhà máy sản xuất và nạp khí công nghiệp ALV-KCN Long Hậu, đã được Ủy ban nhân dân Tỉnh Long An cấp.

- Quy mô, công suất, loại hình sản xuất:

Quy mô: Dự án thuộc nhóm B theo tiêu chí pháp luật về đầu tư công với tổng vốn đầu tư 180 tỷ đồng.

Quy mô công suất và loại hình :

+ Sản xuất và nạp khí tinh khiết (Argon, Nitơ, Carbon dioxide, Hydrogen, Helium, Oxygen) vào chai quy mô 3.580 tấn/năm (trong đó: ++ Nạp khí Argon: 2.170 tấn/năm. ++ Nạp khí Nitơ: 340 tấn/năm. ++ Nạp khí Carbon dioxide: 416 tấn/năm. ++ Sản xuất và nạp khí Hydrogen: 54 tấn/năm. ++ Nạp khí Heli: 9 tấn/năm. ++ Nạp khí Oxy: 591 tấn/năm).

+ Nạp hỗn hợp khí Argon, Nitơ, Carbon dioxide, Hydrogen, Helium, Oxygen vào chai quy mô 5.400 tấn/năm.

- Chúng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

Stt	Loại chất thải phát sinh	Trạng thái tồn tại	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Phân loại
1	Nước thải có các thành phần nguy hại khác	Lỏng	50000	KS
2	Các loại bazơ thải khác (bao gồm NH3 lỏng)	Lỏng	3750	KS
3	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vật bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	65	KS
4	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	50	KS
5	Các loại dầu động cơ, hộp số và bôi trơn thải khác	Lỏng	120	KS
6	Chất thải từ các quá trình cao, bóc tách sơn hoặc véc ni có dung môi hữu cơ hoặc thành phần nguy hại	Rắn	120	NH
7	Cặn sơn, sơn và véc ni (loại có dung môi hữu cơ hoặc các thành phần nguy hại khác trong nguyên liệu sản xuất) thải	Rắn/lỏng	120	KS
8	Hộp mực in thải có chứa thành phần nguy hại	Rắn	40	KS
9	Pin, ắc quy thải	Rắn	100	NH
10	Các thiết bị, linh kiện điện tử thải hoặc các thiết bị điện	Rắn	100	NH
11	Bóng đèn huỳnh quang thải và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	35	NH
12	Bao bì cứng bằng kim loại bao gồm cả bình chứa áp suất đảm bảo rỗng hoàn toàn	Rắn	100	KS
13	Vật dụng dính sơn, cọ sơn thải	Rắn	20	KS

- Thông tin liên quan khác (nếu có):

Diện tích sử dụng đất: 11,250 m².

Nhân lực: 12 người, làm việc theo chế độ 2 ca/ngày.

Chứng nhận hệ thống quản lý: Cơ sở đạt chứng nhận ISO 14001:2015.

III. Nhận diện, xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải; dự báo nguyên nhân gây ra sự cố chất thải; biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải

3.1. Xác định phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải (mô tả chi tiết tên phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải).

Một số phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình phổ biến có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải tương ứng với nhóm chất thải:

- Đối với nhóm chất thải rắn và chất thải nguy hại (CTNH):



Kho lưu giữ chất thải nguy hại (Diện tích khoảng 7.2 m²): Lưu giữ các loại giẻ lau dính dầu, bao bì hóa chất, dầu thải, bùn thải nhiễm dầu. Nguy cơ sự cố đổ vỡ các thùng chứa hoặc hỏa hoạn tại kho làm phát tán chất thải nguy hại.

Khu vực lưu chứa chất thải rắn sinh hoạt và công nghiệp thông thường: Nguy cơ phát tán mùi hôi, nước rỉ rác hoặc động vật trung gian truyền bệnh nếu không được thu gom kịp thời.

Phương tiện vận chuyển nội bộ: Xe nâng tay, Xe nâng dầu diesel dùng để vận chuyển các thùng phuy dầu thải, hóa chất từ khu vực sản xuất về kho lưu chứa. Nguy cơ lật xe, rơi đổ thùng chứa dọc đường vận chuyển.

- Đối với nhóm chất thải lỏng (Nước thải):

- Mạng lưới thu gom nước mưa Mạng lưới thu gom, thoát nước mưa được tách riêng biệt với mạng lưới thu gom, xử lý và thoát nước thải. Nước mưa trên mái được thu gom vào các ống xối nhựa PVC D90 dẫn thẳng xuống các hố ga trên mặt đất. Các hố ga này được nối với nhau bằng các đường ống dẫn nước mưa BTCT D200, D300, D400, D600, hòa chung với dòng nước mưa được thu gom dưới đất. Toàn bộ lượng nước mưa được thu gom theo cống thoát nước mưa nội bộ, dẫn bằng đường ống BTCT D200, D300, D400, D600 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Long Hậu 3 tại 01 điểm đầu nối nằm trên đường số 9 với tọa độ là X=1175614.460, Y=604872.310 (theo hệ tọa độ VN 2000, kinh tuyến trục 105^o45', múi chiếu 30).
- Mạng lưới thu gom nước thải- Nước thải sinh hoạt được xử lý sơ bộ bằng bể tự hoại 3 ngăn, sau đó dẫn về hố ga đầu nối HT-D9-1 (nằm trên đường số 9) vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp (Theo Văn bản số 249/2023/CV-LHC-HTNS ngày 15/08/2023 của Công ty CP Long Hậu về việc đầu nối nước thải sinh hoạt của Nhà máy sản xuất và nạp khí công nghiệp). + Nước thải sinh hoạt tại khu nhà văn phòng theo tuyến ống PVC Φ 200mm, dài khoảng 5m-20m → bể tự hoại 1 (4x2x2,5m = 20m³) → tuyến ống ngầm Φ200mm, dài khoảng 20m (qua 2 hố ga) → hố ga đầu nối HT-D9-1 (nằm trên đường số 9) vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp. + Nước thải sinh hoạt tại nhà bảo vệ theo tuyến ống PVC Φ 200mm, dài khoảng 15m → bể tự hoại 2 (2x2x2m = 8m³) → tuyến ống ngầm Φ200mm, dài khoảng 10m (qua 1 hố ga) → hố ga đầu nối HT-D9-1 (nằm trên đường số 9) vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp. 7- Nước thải sản xuất: Nước thải thử nghiệm, kiểm tra chai; nước thải quá trình sản xuất khí H₂ (nước thải từ hoạt động khử khoáng nước cấp) theo tuyến ống ngầm thu gom nước thải dọc theo nhà máy dẫn đến hố ga đầu nối trực tiếp với hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp. + Nước thải thử nghiệm, kiểm tra chai theo tuyến ống ngầm thu gom nước thải Φ90-200mm, dài khoảng 140m dẫn đến hố ga HT-D9-1 đầu nối trực tiếp với hệ thống thu gom nước

thải của khu công nghiệp. + Nước thải khử khoáng theo tuyến ống ngầm thu gom nước thải $\Phi 90-200\text{mm}$, dài khoảng 210m dẫn đến hố ga HT-D9-1 đầu nối trực tiếp với hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp.- Nước thải vệ sinh nhà xưởng, kho chứa hóa chất, khu vực sơn chai; Nước rửa bồn chứa NH_3 thu gom và quản lý như CTNH. Nước thải sau khi qua bể tự hoại sẽ được dẫn ra hố ga đầu nối nước thải với KCN Long Hậu 3 bằng đường ống HDPE $\text{Ø}200$ thông qua 01 điểm đầu nối nằm trên đường số 9 (hố ga HT-D9-1), với tọa độ $X=1175645.727$; $Y=604881.679$ (theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3o) bằng phương thức tự chảy.

- Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (Công suất $3 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$): Bao gồm bể tự hoại, bể điều hòa, bể phản ứng sinh học và bể lắng. Nguy cơ xảy ra sự cố tràn nước thải chưa đạt chuẩn ra hệ thống thoát nước mưa hoặc rò rỉ từ đường ống dẫn.

- Đối với nhóm khí thải:

- Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải- Nguồn số 01: Khí thải phát sinh từ quá trình cạo và sơn chai được quạt hút công suất $850 \text{ m}^3/\text{h}$ hút vào hệ thống xử lý. Khí thải sau xử lý được thải ra ngoài qua ống thải $\Phi 200\text{mm}$, cao khoảng 5 m so với mặt đất.
- Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải- Quy trình công nghệ: Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động cạo và sơn chai → Quạt hút → Hệ thống cyclon → Bồn nước → Ống xả khí thải $\Phi 200\text{mm}$, cao khoảng 5 m so với mặt đất.- Công suất thiết kế: $850 \text{ m}^3/\text{h}$ - Thông số kỹ thuật của HTXL khí thải:

STT	Tên hạng mục	Thông số kỹ thuật	Đvt	Số lượng
1	Quạt	Công suất $850 \text{ m}^3/\text{h}$	Cái	1
2	Bộ Cyclon	- Kích thước: $1740 \times 440 \times 440 \text{ mm}$ - Động cơ: 1.5 kW - Thùng chứa bụi: 20 dm^3	Bộ	1
3	Bồn chứa nước	- Inox/nhựa - Dung tích: 120L	Cái	1
4	Ống thải	- Thép/Inox, $D=200\text{mm}$; $H= 5\text{m}$	Cái	1

Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục: Không có

3.2. Dự báo về sự cố chất thải (*dự báo chất ô nhiễm, chất thải rò rỉ, tràn đổ, phát tán ra môi trường khi xảy ra sự cố chất thải; dự báo nguyên nhân gây ra sự cố chất thải; dự báo phạm vi, đối tượng chính bị tác động do sự cố chất thải; dự báo tình huống xảy ra sự cố bảo đảm phù hợp với thực tế hoạt động của dự án đầu tư, cơ sở; có thể sử dụng các mô hình để dự báo phạm vi tác động*).

Dự báo chất ô nhiễm, chất thải rò rỉ, phát tán khi xảy ra sự cố



Khi xảy ra sự cố tại nhà máy ALV, các loại chất thải và thành phần ô nhiễm chính dự báo phát tán ra môi trường bao gồm:

a. Nhóm chất thải lỏng:

- Dầu nhớt thải: Chứa các thành phần nguy hại như kim loại nặng, hydrocarbon thơm đa vòng.
- Nước thải sinh hoạt chưa xử lý: Chứa vi khuẩn (Coliform), các chất hữu cơ (BOD₅, COD), Nitơ và Photpho nồng độ cao.
- Nước thải nhiễm dầu: Chứa hàm lượng dầu mỡ khoáng vượt quy chuẩn cho phép.

b. Nhóm chất thải rắn:

Chất thải nguy hại (CTNH): Giẻ lau dính dầu, bao bì hóa chất, bùn thải từ bể tách dầu.

Chất thải rắn công nghiệp: Các mảnh sắt, vật liệu lọc thải, vật liệu cách nhiệt cũ.

c. Nhóm khí thải: Không có

Dự báo nguyên nhân gây ra sự cố chất thải:

Căn cứ vào thực tế hoạt động của cơ sở, các nguyên nhân được dự báo bao gồm:

- Lỗi thiết bị và hạ tầng: Bục vỡ đường ống dẫn dầu máy nén do ăn mòn; hỏng bơm tại hệ thống xử lý nước thải; nứt vỡ bể tự hoại do sụt lún nền móng.
- Lỗi vận hành: Công nhân xử lý dầu không đúng quy trình gây tràn đổ; lưu trữ CTNH quá tải hoặc không đóng nắp thùng phuy chặt chẽ.
- Tác động ngoại lực: Tai nạn giao thông nội bộ (xe nâng va chạm làm đổ thùng chứa); sự cố cháy nổ tại khu vực kho.
- Thiên tai: Mưa bão cực đoan gây ngập lụt cục bộ, làm tràn các bể chứa nước thải hoặc gây sạt lở khu vực lưu giữ ngoài trời.

Dự báo phạm vi và đối tượng chính bị tác động:

Phạm vi tác động:

- Mức độ thấp: Khu vực trong nhà xưởng hoặc kho lưu giữ (được ngăn chặn bởi đê quây).
- Mức độ trung bình: Phát tán ra hệ thống thoát nước mưa nội bộ của nhà máy.
- Mức độ cao: Thoát ra hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghệ cao (KCNC)

Đối tượng bị tác động:

Cán bộ công nhân viên đang làm việc trực tiếp tại khu vực xảy ra sự cố.

Hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCNC (có thể bị sốc tải hoặc hỏng vi sinh nếu nước thải nhiễm dầu chảy vào).

Hệ sinh thái đất và nước ngầm tại khu vực nếu chất thải lỏng thấm qua nền đất.

Dự báo các tình huống sự cố điển hình (Kịch bản sự cố):

Dựa trên thực tế tại ALV, các tình huống sau được ưu tiên dự báo:

Nhóm chất thải	Tình huống dự báo	Mô tả chi tiết tình huống
Chất thải lỏng	Tràn đổ dầu máy nén tại khu vực sản xuất và khu vực lưu chứa dầu	Do bục đường ống dẫn dầu hoặc lỗi khi thay dầu. Dầu rò rỉ ra sàn nhà xưởng, nếu không có gờ ngăn sẽ chảy xuống hố thu hoặc hệ thống thoát nước.
	Sự cố hệ thống xử lý nước thải (HTXLNT)	Bơm bùn hoặc máy thổi khí bị hỏng, bể lắng bị quá tải hoặc bục vỡ thành bể. Nước thải chưa đạt chuẩn tràn ra đường nội bộ.
Chất thải rắn/ CTNH	Đổ vỡ phương tiện vận chuyển nội bộ	Xe nâng vận chuyển các thùng phuy CTNH về kho bị lật đổ do chương ngại vật, làm vỡ thùng phuy và phát tán giẻ lau, dầu thải ra đường giao thông nội bộ.
	Sự cố tại kho lưu chứa CTNH	Do sụt lún nền hoặc tác động hỏa hoạn, các thiết bị lưu chứa bị bục vỡ, chất thải nguy hại hỗn hợp phát tán ra môi trường xung quanh kho.
Khí thải	Không có	Không có

Mô hình dự báo (Đề xuất):

0103
ÔNG
TNI
LI
IET
ON -

Đối với các sự cố tràn lòng quy mô lớn, nhà máy có thể áp dụng mô hình toán học để dự báo:

Mô hình lan truyền vết dầu: Dự báo diện tích và thời gian dầu lan trên bề mặt sàn cứng hoặc trong hệ thống mương dẫn.

Mô hình thủy lực: Đánh giá khả năng chứa của các bể sự cố và hệ thống thoát nước khi có mưa lớn kết hợp sự cố tràn chất thải lỏng.

3.3. Biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải (*mô tả chi tiết các biện pháp phòng ngừa sự cố chất thải tương ứng đối với từng phương tiện vận chuyển, hạng mục, công trình có nguy cơ xảy ra sự cố chất thải đã triển khai tại dự án đầu tư, cơ sở*).

a. Đối với Khu vực máy nén khí, khu vực lưu chứa dầu và Hệ thống tách dầu/nước (Chất thải lỏng)

Đây là khu vực có nguy cơ cao nhất về sự cố tràn đổ dầu bôi trơn và nước thải nhiễm dầu.

Biện pháp tại nguồn: Thiết kế gờ chắn (đê quây) bao quanh khu vực đặt máy nén để khu trú toàn bộ lượng dầu tràn nếu có sự cố bục đường ống. Sàn để máy nén khí được sơn epoxy chống thấm để ngăn dầu ngấm xuống nền đất.

Biện pháp kiểm soát: Lắp đặt hệ thống cảm biến báo mức tại bể tách dầu/nước. Khi dầu đạt mức quy định, hệ thống sẽ cảnh báo để thực hiện hút dầu thải, tránh tình trạng quá tải gây tràn ra hệ thống thoát nước chung.

Bảo trì: Thực hiện kiểm tra định kỳ các khớp nối, đường ống dẫn dầu và các van xả theo kế hoạch bảo trì ngăn ngừa.

b. Đối với Kho lưu giữ Chất thải nguy hại (CTNH)

Thiết kế công trình: Kho được xây dựng tại vị trí cao ráo, có mái che ngăn nước mưa, nền bê tông chịu lực và chống thấm. Xây dựng rãnh thu gom và hố ga ngăn cách để đảm bảo nếu có sự cố rò rỉ, chất thải lỏng sẽ được thu gom hoàn toàn vào hố ga này mà không thoát ra ngoài.

Lưu trữ an toàn: Tất cả CTNH (dầu thải, giẻ lau dính dầu, bùn thải) phải chứa trong các thùng phuy bằng thép hoặc nhựa HDPE có nắp đậy kín, dán nhãn đầy đủ. Phòng chống cháy nổ: Trang bị bình chữa cháy xách tay, hệ thống báo cháy tự động và biển cấm lửa nghiêm ngặt vì chất thải dầu mỡ là nguồn nhiên liệu dễ bắt cháy.

c. Đối với Hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt (HTXLNT)

Dự phòng thiết bị: Lắp đặt song song (02 máy) cho các thiết bị quan trọng như bơm nước thải đầu vào, máy thổi khí để đảm bảo hệ thống vận hành liên tục ngay cả khi một thiết bị gặp sự cố kỹ thuật.

Kiểm soát vận hành: Lắp đặt đồng hồ đo lưu lượng và thực hiện quan trắc các thông số cơ bản định kỳ. Thiết lập quy trình ứng cứu sự cố khi vi sinh bị "sốc" hoặc chết do hóa chất lạ xâm nhập.

d. Đối với Phương tiện vận chuyển nội bộ (Xe nâng tay/ xe nâng điện)

Kiểm định an toàn: Xe nâng và các phương tiện vận chuyển trong nhà máy phải được kiểm định định kỳ về an toàn kỹ thuật, đảm bảo hệ thống phanh, lốp và càng nâng hoạt động tốt.

Quy trình bốc xếp: Quy định tốc độ di chuyển tối đa trong nhà máy (thường < 5km/h). Khi vận chuyển các thùng chứa chất thải lỏng, phải sử dụng đai chằng buộc cố định vào pallet để tránh lật đổ khi vào cua hoặc dừng đột ngột.

Đào tạo nhân sự: Chỉ những nhân viên có chứng chỉ vận hành xe nâng và được tập huấn về an toàn chất thải mới được phép thực hiện công việc vận chuyển CTNH.

e. Đối với Hệ thống thoát nước mưa và tháp giải nhiệt (Nước làm mát)

Ngăn cách hệ thống: Đảm bảo hệ thống thoát nước mưa tách biệt hoàn toàn với hệ thống nước thải.

Kiểm soát hóa chất tháp giải nhiệt: Các hóa chất diệt khuẩn, chống ăn mòn cho tháp làm mát được bảo quản trong kho chuyên dụng, việc châm hóa chất được thực hiện tự động bằng bom định lượng để tránh sai sót con người.

f. Biện pháp chung toàn cơ sở

Trang bị bộ ứng cứu tràn đổ (Spill Kits): Bố trí tại các khu vực nhạy cảm các thùng chứa sẵn: cát, mùn cưa, tấm thấm dầu, găng tay, khẩu trang và túi nilon để xử lý ngay lập tức các vết tràn đổ nhỏ (dưới 20 lít).

Diễn tập định kỳ: Tổ chức diễn tập ứng phó sự cố chất thải ít nhất 01 lần/năm với sự tham gia của Đội ứng phó sự cố của nhà máy để rèn luyện kỹ năng sử dụng trang thiết bị và phối hợp tác chiến.

IV. Tổ chức ứng phó sự cố chất thải.

4.1. Xác định phương tiện vận chuyển (vị trí xảy ra sự cố), hạng mục, công trình xảy ra sự cố chất thải; nguyên nhân xảy ra sự cố chất thải.

- Xác định vị trí: Kiểm tra nhanh hiện trường để xác định sự cố xảy ra tại đâu (Kho CTNH, khu vực máy nén, hệ thống xử lý nước thải hay trên cung đường vận chuyển nội bộ).

- Hạng mục sự cố: Xác định công trình bị hư hỏng (vỡ bể, bục đường ống, lật đổ phương tiện vận chuyển).

521-
TY
H
QUID
NAM
T. B

- Nguyên nhân: Đánh giá nhanh do lỗi thiết bị (ăn mòn, quá tải), lỗi vận hành (sơ suất trong bốc xếp) hay do tác động ngoại cảnh (thiên tai, va chạm giao thông).

4.2. Thực hiện khẩn cấp các biện pháp bảo đảm an toàn cho con người, tài sản, sinh vật và môi trường.

- Con người: Sơ tán toàn bộ nhân viên không có nhiệm vụ ra khỏi khu vực nguy hiểm. Trang bị đầy đủ BHLĐ chuyên dụng (găng tay kháng hóa chất, mặt nạ phòng độc) cho đội ứng cứu.

- Tài sản: Di dời các vật tư, hàng hóa dễ cháy nổ hoặc có giá trị ra khỏi vùng ảnh hưởng.

- Môi trường: Ngắt nguồn điện khu vực sự cố, khóa các van chặn thoát nước mưa nội bộ để ngăn chất thải phát tán ra môi trường bên ngoài.

4.3. Xác định loại, số lượng, khối lượng chất ô nhiễm bị phát tán, thải ra môi trường.

- Phân loại: Xác định nhanh chất thải là dầu nhớt thải, nước thải chưa xử lý hay hóa chất chuyên dụng.

- Khối lượng: Ước tính dựa trên dung tích thiết bị lưu chứa (phuy 200 lít, bể chứa 10m³) và lượng còn lại thực tế để xác định khối lượng đã phát tán.

4.4. Đánh giá sơ bộ về phạm vi, đối tượng và mức độ tác động đối với môi trường đất, nước, không khí, con người và sinh vật.

Phạm vi: Xác định diện tích chất thải loang trên bề mặt sàn, khả năng thấm xuống đất hoặc chảy vào mương thoát nước.

Đối tượng tác động: Đánh giá nguy cơ ảnh hưởng trực tiếp đến sức khỏe công nhân, nguy cơ gây sốc hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN và hệ sinh thái xung quanh.

4.5. Thực hiện các biện pháp cô lập, giới hạn phạm vi, đối tượng và mức độ tác động.

Sử dụng bộ ứng cứu tràn đổ (Spill Kits), cát, phao quây hoặc mùn cưa để quây chặn, không cho chất thải lỏng loang rộng.

Đóng các cửa xả nước mưa, nước thải tại ranh giới nhà máy để cô lập chất thải trong khuôn viên.

4.6. Thu hồi, xử lý, loại bỏ chất ô nhiễm hoặc nguyên nhân gây ô nhiễm.

Thu hồi: Sử dụng máy bơm hút ngược chất thải lỏng vào các bồn chứa dự phòng hoặc dùng tấm thấm dầu để thu gom. Chất thải rắn được thu gom vào các bao chuyên dụng.

Xử lý: Vệ sinh hiện trường bằng các chất tẩy rửa chuyên dụng (nếu cần). Toàn bộ vật liệu thấm hút dính chất thải phải được quản lý như chất thải nguy hại.

Loại bỏ nguyên nhân: Thay thế đường ống bị bục, sửa chữa máy bơm hoặc gia cố lại khu vực lưu giữ.

1	Nguyễn Hoàng Lam	Giám đốc chi nhánh nhà máy	0914 133889	Trực tiếp chỉ huy ứng phó sự cố
2	Lê Văn Đông	Giám đốc An toàn, chất lượng, môi trường	0907 081 480	Trực tiếp chỉ huy ứng phó sự cố
3	Vo Thanh Nam	Đội Trưởng PCCC-CNCH	098 8035 150	Trực tiếp tham gia xử lý sự cố
4	Phan Toan	Đội phó PCCC-CNCH	0829059017	Trực tiếp tham gia xử lý sự cố
5	Nguyen Linh Tan	Nhân viên nạp	0345 838 193	Trực tiếp tham gia xử lý sự cố
6	Trần Thanh Vũ	Nhân viên nạp	090 417 1163	Trực tiếp tham gia xử lý sự cố
7	Nguyễn Trọng Nghĩa	Nhân viên nạp	0339909144	Trực tiếp tham gia xử lý sự cố
8	Nguyễn Mạnh Dũng	Nhân viên nạp		Trực tiếp tham gia xử lý sự cố
9	Lâm Nguyễn Thái Nguyên	Nhân viên nạp	03777 81605	Trực tiếp tham gia xử lý sự cố
10	Le Dinh Tien	Tài xế	00777 665 959	Trực tiếp tham gia xử lý sự cố

- Danh sách lực lượng bên ngoài tham gia hỗ trợ ứng phó khi xảy ra sự cố chất thải.

TT	Tên cơ quan/đơn vị	Số điện thoại
1	đội PCCC&CNCH	0283.7818 222
2	Đội PCCC&CNCH Cần Giuộc	0272.3745 171
3	Công an PCCC Tây Ninh	0283. 8965 915
4	Ban QL KCN LH	0906 701 100

5.2. Phương tiện ứng phó sự cố chất thải (liệt kê tên thiết bị, số lượng phương tiện ứng phó sự cố chất thải; kế hoạch đầu tư, mua sắm phương tiện ứng phó sự cố chất thải).

Nhà máy duy trì danh mục trang thiết bị ứng phó tại chỗ, được bố trí tại các khu vực nhạy cảm (Kho CTNH, khu máy nén, trạm xử lý nước thải).

STT	Tên thiết bị/Phương tiện	Số lượng	Tình trạng/Ghi chú

1	Cát khô và vật liệu thấm hút (vôi bột, mùn cưa)	200 kg	Lưu tại kho vật tư ứng cứu
2	Thùng phuy thép/nhựa rỗng (200L)	10 cái	Chứa chất thải sau khi thu gom
3	Bộ đồ bảo hộ cá nhân (PPE) mức độ B, C	1 bộ	Quần áo chống hóa chất, găng tay, ủng
4	Mặt nạ phòng độc lọc độc đa năng	2 bộ	Sử dụng khi có sự cố phát tán khí/mùi

Kế hoạch đầu tư, mua sắm: Định kỳ hàng quý, nhà máy thực hiện kiểm kê. Các vật tư tiêu hao (tấm thấm, cát) sau khi sử dụng hoặc hết hạn sẽ được mua bổ sung ngay lập tức từ ngân sách vận hành hàng năm của nhà máy.

5.3. Nhiệm vụ của các bộ phận (*cần mô tả cụ thể nhiệm vụ của từng bộ phận khi xảy ra sự cố như: Quan sát, thông báo, báo động; sơ tán người, tài sản; bảo đảm an ninh, trật tự; hậu cần, y tế...*).

Khi có báo động sự cố chất thải, các bộ phận thực hiện nhiệm vụ như sau:

Đội Quan sát và Thông báo (Bảo vệ/Vận hành): Phát hiện sự cố, kích hoạt hệ thống báo động, thông báo vị trí và loại sự cố cho Ban chỉ huy. Gọi điện cho các lực lượng hỗ trợ bên ngoài (nếu cần).

Đội Ứng phó trực tiếp (Đội PCCC & Cứu nạn tại chỗ): Thực hiện cô lập nguồn phát thải (khóa van, quay chặn), thu gom chất thải tràn đổ bằng phương tiện sẵn có.

Đội Sơ tán và An ninh: Điều tiết giao thông nội bộ để xe ứng cứu di chuyển; hướng dẫn cán bộ công nhân viên sơ tán về điểm tập kết an toàn; bảo vệ tài sản nhà máy.

Đội Hậu cần và Y tế: Cung cấp vật tư ứng cứu bổ sung; sơ cứu người bị nạn (nếu có tiếp xúc hóa chất/dầu); chuẩn bị phương tiện vận chuyển người đi cấp cứu.

5.4. Tổ chức chỉ huy (*địa điểm, thành phần, nhiệm vụ...*).

Địa điểm Ban chỉ huy:

Vị trí chính: Phòng điều khiển trung tâm (Control Room).



Vị trí dự phòng: Khu vực công chính nhà máy (trong trường hợp nhà xưởng không an toàn).

Thành phần:

Chỉ huy trưởng: Giám đốc nhà máy

Chỉ huy phó: Trưởng phòng An toàn - Sức khỏe - Môi trường

Thành viên: Trưởng ca sản xuất, Trưởng bộ phận kỹ thuật, Đội trưởng đội bảo vệ.

Nhiệm vụ: Đánh giá cấp độ sự cố, đưa ra quyết định về phương án ứng phó, huy động nguồn lực, và là đầu mối liên lạc duy nhất với cơ quan quản lý (Ban quản lý KCNC, Sở TNMT).

5.5. Kế hoạch tập huấn và diễn tập định kỳ của dự án đầu tư, cơ sở về ứng phó sự cố chất thải.

Nhằm đảm bảo tính sẵn sàng, nhà máy triển khai kế hoạch đào tạo như sau:

Tập huấn lý thuyết (01 lần/năm):

Đối tượng: Toàn bộ cán bộ công nhân viên và nhà thầu dài hạn.

Nội dung: Nhận diện các loại chất thải nguy hại, cách đọc bảng dữ liệu an toàn (MSDS), quy trình báo cáo sự cố và cách sử dụng trang thiết bị PPE.

Diễn tập thực binh (01 lần/năm):

Kịch bản 1: Tràn đổ 200 lít dầu từ khu vực máy nén chảy vào hệ thống thoát nước mưa.

Kịch bản 2: Sự cố cháy kho chất thải nguy hại gây phát tán khói độc và nước dập lửa nhiễm ô nhiễm.

Đánh giá: Sau mỗi lần diễn tập, Ban chỉ huy phải họp rút kinh nghiệm, đánh giá thời gian phản ứng và hiệu quả của các thiết bị để cập nhật vào kế hoạch ứng phó chính thức.

VI. Kết luận và kiến nghị

6.1. Đánh giá về tính khả thi của kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đã được xây dựng.

Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải của Nhà máy sản xuất khí công nghiệp ALV được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa hướng dẫn kỹ thuật tại Thông tư 41/2025/TT-BTNMT và quy trình an toàn nghiêm ngặt của Tập đoàn Air Liquide toàn cầu. Tính khả thi của kế hoạch được khẳng định qua các yếu tố:

Sự phù hợp với thực tiễn: Các kịch bản sự cố được dự báo sát với đặc thù sản xuất khí công nghiệp và thực trạng hạ tầng tại Khu công nghiệp LH.

Nguồn lực đảm bảo: Cơ sở đã trang bị đầy đủ các phương tiện ứng cứu thiết yếu (Spill kits, phao quây, thiết bị bảo hộ) và thiết lập đội ứng phó tại chỗ có chuyên môn cao, định kỳ được đào tạo bài bản.

Hạ tầng ngăn chặn: Hệ thống đê quây, bể tách dầu và van chặn thoát nước mưa đã được lắp đặt sẵn sàng, đảm bảo khả năng cô lập chất thải ngay tại nguồn nếu có sự cố xảy ra.

6.2. Bài học từ sự cố chất thải đã xảy ra (nếu có) và cam kết của cơ sở trong công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố trong giai đoạn tiếp theo.

Bài học kinh nghiệm: Qua quá trình vận hành và thực hiện các buổi diễn tập nội bộ, nhà máy nhận thấy yếu tố then chốt để giảm thiểu thiệt hại là "Thời gian vàng trong ứng cứu". Việc phát hiện sớm và cô lập nhanh chóng nguồn phát thải trong 05-10 phút đầu tiên quyết định đến 90% hiệu quả kiểm soát ô nhiễm. Do đó, việc duy trì hệ thống cảnh báo và sự nhạy bén của nhân viên vận hành luôn được đặt lên hàng đầu.

Cam kết của cơ sở:

Cam kết tuân thủ tuyệt đối các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và ứng phó sự cố môi trường của Việt Nam.

Cam kết đầu tư đầy đủ ngân sách cho công tác bảo trì hệ thống xử lý chất thải và mua sắm bổ sung vật tư ứng cứu sự cố định kỳ.

Cam kết tổ chức diễn tập thực binh ít nhất 01 lần/năm để nâng cao năng lực phản ứng của đội ngũ nhân sự.

Cam kết phối hợp chặt chẽ với Ban Quản lý Khu công nghiệp LH và các cơ quan chức năng trong việc giám sát và xử lý nếu có sự cố xảy ra, đảm bảo không để tác động xấu lan rộng ra cộng đồng.

6.3. Kiến nghị của cơ sở (nếu có).

Để công tác phòng ngừa, ứng phó sự cố chất thải đạt hiệu quả cao nhất, Nhà máy sản xuất khí công nghiệp ALV có một số kiến nghị sau:

Đối với cơ quan quản lý chuyên môn: Kính đề nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn, hội thảo cập nhật các công nghệ ứng phó sự cố mới và hướng dẫn chi tiết các biểu mẫu báo cáo theo quy định mới để doanh nghiệp thực hiện thống nhất và hiệu quả.

Về công tác phối hợp: Kiến nghị xây dựng cơ chế liên lạc nhanh giữa các doanh nghiệp lân cận trong cùng phân khu công nghiệp để hỗ trợ lẫn nhau về nguồn lực (nhân lực, thiết bị chuyên dụng) khi xảy ra sự cố quy mô lớn vượt quá khả năng kiểm soát của một đơn vị đơn lẻ.



Nơi nhận:

- BQL Khu CN LH;
- Phường Xã Cầu Giuộc- Tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: Nhà LH

QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Chữ ký của người có thẩm quyền, dấu/chữ ký s
của cơ quan, tổ chức)

Họ và tên



NGUYỄN HOÀNG LAM
Giám Đốc Nhà Máy Long Hậu

